

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 29/2018/HSST

Ngày: 17/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU- TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Văn Xuân

2/ Ông Trần Công Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 17 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/HSST ngày 16 tháng 07 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn 5, xã X H, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị X (chết); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

*** Người bị hại:**

- Nguyễn Văn C, sinh năm 1996

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Diêm Trường, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đều có mặt tại phiên tòa

- Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn 5, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
lần 2

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn D Tr, xã X L, thị xã S C, tỉnh Phú Yên.

Có mặt

- Võ Văn B, sinh năm 1995

- Phan Thị Hữu Th, sinh năm 1994

Đều có địa chỉ: Thôn 5, xã X H, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt

- Trương Thị Diễm L, sinh năm 1997

- Phạm Thị Thu H, sinh năm 1999

Đều có địa chỉ: Thôn H Ph, xã X H, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt

- Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn D Tr, xã X B, thị xã S C, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 07/05/2017 Võ Văn Bông điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78D1-196.77 (xe do mẹ ruột của Bông là bà Nguyễn Thị Th đứng tên chủ sở hữu) chở Nguyễn Văn N đi nhậu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, đang nhậu với bạn thì Nguyễn Văn N (không có giấy phép lái xe theo quy định) đã tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát 78D1-196.77 có gắn sẵn chìa khóa điều khiển lưu hành hướng Bắc-Nam trên đoạn đường thôn 5, xã X H đến quán “Hào Quang” cách vị trí nhậu khoảng 400-500 mét để mua thuốc lá. Khi gần đến quán “Hào Quang” lúc này, N phát hiện hướng ngược chiều có ánh đèn xe mô tô biển kiểm soát 78D1-026.25 (xe của Nguyễn Văn Th đứng tên chủ sở hữu và bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng) do Nguyễn Văn C không có giấy phép lái xe điều khiển lưu hành hướng Nam-Bắc bên phải theo chiều đi của xe C. Do N cho rằng đủ thời gian để điều khiển cho xe qua đường nên N vẫn điều khiển cho xe chuyển hướng sang trái, hướng Tây - Đông và không bật đèn tín hiệu báo rẽ. Khi xe N qua khỏi tim đường thì xe mô tô 78D1-026.25 đến gần, N phanh xe lại nhưng không kịp nên hai xe tung vào nhau gây ra tai nạn. Hậu quả làm Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn N bị thương và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 251/TgT ngày 22/08/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nguyễn Văn C là 74% sau khi được cộng lùi.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 99/TgT ngày 12/04/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Nạn nhân Nguyễn Văn C bị tai nạn giao thông, hiện tại các mặt tâm thần hoạt động bình thường không để lại di chứng về tâm thần kinh.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 250/TgT ngày 22/08/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nguyễn Văn N là 26% sau khi được cộng lùi.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 63/KL- HĐĐG ngày 30/11/2017 của Hội đồng định giá thị xã Sông Cầu kết luận: Xe mô tô BKS 78D1-026.25, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius trị giá thiệt hại 1.430.000đ. Xe mô tô BKS 78D1-196.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter trị giá thiệt hại 2.175.500đ.

* Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô BKS 78D1-026.25, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius đã trả cho bà Nguyễn Thị L.

- 01 xe mô tô BKS 78D1-196.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter đã trả cho bà Nguyễn Thị Th.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường thiệt hại về chi phí điều trị 77.513.000 đồng và tiền sửa xe mô tô của bà L 3.500.000 đồng tổng cộng là 81.013.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại thương tích cho C 5.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th đầy đủ nên bà Th không yêu cầu bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 11/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với hành vi Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô 78D1-196.77 không có giấy phép lái xe cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính.

Đối với bà Nguyễn Thị Th là chủ sở hữu xe mô tô 78D1-196.77, nhưng không giao xe cho Nguyễn Văn N nên không có hành vi “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” nên không xử lý.

Đối với Võ Văn Bông đang quản lý xe mô tô 78D1-196.77, nhưng không giao xe cho N, nên không xem xét xử lý về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai: Bị cáo không có giấy phép lái xe, đã tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát 78D1-196.77 (xe của Võ Văn Bông đang quản lý), đi mua thuốc lá hút và chuyển hướng xe từ phải qua trái không có tín hiệu xin qua đường đồng thời đi ngược chiều bên trái, nên gây tai nạn làm Nguyễn Văn C bị thương, 02 xe mô tô hư hỏng là lỗi do bị cáo. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự là đúng, không oan gì cho bị cáo. Bị cáo đã bồi thường xe mô tô 78D1- 196.77 xe của mẹ Bông do bị cáo lấy đi gây tai nạn đầy đủ. Bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn C 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại C và hư hỏng xe mô tô 78D1- 026.25 xe của mẹ C do C điều khiển gây tai nạn với bị cáo tổng số tiền là 81. 013.000 đồng theo yêu cầu của bà L và C. Bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ, còn lại 76.013.000 đồng (trong đó tiền thiệt hại về sức khỏe cho C 72.513.000 đồng, tiền xe mô tô 3.500.000 đồng)

Bà Nguyễn Thị L khẳng định: Bà là mẹ của bị hại Nguyễn Văn C, nên sau khi C bị thương thì chính bà bỏ tiền ra điều trị thương tích cho C, xe mô tô cũng là tài sản sở hữu của bà. Vì vậy bà yêu cầu bị cáo bồi thường tất cả các chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần cho C cũng xe mô tô của bà bị hư hỏng tổng cộng là 81.013.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng, còn lại 76.013.000 đồng bị cáo bồi thường tiếp cho bà. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị hại Nguyễn Văn C đồng ý về bồi thường như bà L là mẹ của hại đã thống nhất yêu cầu bị cáo và không có ý kiến hay yêu cầu bồi thường gì khác.

Người bị hại bà Nguyễn Thị Th vắng mặt nhưng đã nhận đủ tiền bồi thường của bị cáo N về hư hỏng xe mô tô và không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố khẳng định bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 11/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là có căn cứ, nên giữ nguyên bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 11/6/2018. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Giao bị cáo cho UBND xã X H, thị xã S C, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại C và L đã thỏa thuận với bị cáo N về tổng số tiền bồi thường là 81.013.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng còn lại 76.013.000 đồng bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô BKS 78D1-026.25, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius đã trả cho bà Nguyễn Thị L; 01 xe mô tô BKS 78D1-196.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter đã trả cho bà Nguyễn Thị Th. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, hối cải việc bị cáo đã vi phạm, bị cáo xin hứa sẽ không tái phạm đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th là chủ sở hữu xe mô tô 78D1- 196.77 bị thiệt hại do bị cáo gây ra, nên bà Th tham gia với tư cách người bị hại trong vụ án.

Ông Nguyễn Ngọc Th là chủ xe mô tô 78D1 026.25, nhưng ông Th xác định đã cho bà L (chị ruột ông), không phải xe của ông, sau khi tai nạn ông có đến hiện trường chứng kiến nên tư cách tham gia tố tụng được xác định là người làm chứng.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng khác không gây ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn N tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Chính bị cáo Nguyễn Văn N (không có giấy phép lái xe theo quy định vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ) đã trực tiếp điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát BKS 78D1-196.77 đã vi phạm khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ về chuyển hướng xe đã gây ra tai nạn làm Nguyễn Văn C bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 74%, 02 xe mô tô bị hư hỏng giá trị bị thiệt hại là 3.605.500 đồng vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 07/05/2017 tại đường bê tông, thuộc thôn 5, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

[3] Do đó, quyết định truy tố tại cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 11 tháng 06 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không oan gi cho bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến sức khỏe và tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định và chuyển hướng xe không bật đèn tín hiệu là vi phạm nhưng vì không chấp hành triệt để Luật giao thông đường bộ, chủ quan, cầu thả gây tai nạn làm bị thương 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 74% và hư hỏng 02 xe mô tô là lỗi hoàn toàn do bị cáo gây ra. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần thiệt hại, trong vụ tai nạn này bị cáo cũng bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 26% nên không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo tự sửa chữa sai lầm cũng như tạo điều kiện cho bị cáo lao động để tiếp tục bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

[5] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 BLHS năm 1999 để xử phạt 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại C, L bồi thường toàn bộ chi phí điều trị thương tích, tổn thất về tinh thần cũng như thiệt hại xe mô tô là 81.013.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại 5.000.000 đồng, còn lại 76.013.000 đồng (trong đó chi phí thương tích, tổn

thất tinh thần đối với C là 72. 513.000 đồng, tiền sửa xe mô tô của bà L là 3.500.000 đồng). Xét sự tự nguyện thỏa thuận này của các bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên ghi nhận và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại C, L tổng số tiền 76.013.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án: - 01 xe mô tô BKS 78D1-026.25, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius đã trả cho bà Nguyễn Thị L; 01 xe mô tô BKS 78D1-196.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter đã trả cho bà Nguyễn Thị Th. Tất cả đã trả lại chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

- Áp dụng: điểm a, khoản 2 Điều 202; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 01 năm 06 tháng tù (một năm sáu tháng tù) cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm (ba năm), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã X H, thị xã S C, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại C, L bồi thường toàn bộ chi phí điều trị thương tích, tổn thất về tinh thần cũng như thiệt hại xe mô tô là 81.013.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại 5.000.000 đồng, còn lại 76.013.000 đồng (trong đó chi phí thương tích, tổn thất tinh thần đối với C là 72. 513.000 đồng, tiền sửa xe mô tô của bà L là 3.500.000 đồng). Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại C, L tổng số tiền 76.013.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu không trăm mười ba nghìn đồng*).

3. Về vật chứng vụ án: - 01 xe mô tô BKS 78D1-026.25, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius đã trả cho bà Nguyễn Thị L. 01 xe mô tô BKS 78D1-196.77, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter đã trả cho bà Nguyễn Thị Th. Tất cả đã trả lại chủ sở hữu, nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.801.000 đồng (*Ba triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người Bị hại bà Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKS cùng cấp
- Công an thị xã Sông Cầu
- Chi cục THADS TX Sông Cầu
- Bị cáo
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ Toạ phiên tòa

Trần Văn Tôn